

THÔNG BÁO CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số /TB-QBVPTR ngày tháng năm của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)

1. Tên bên cung ứng: Công ty cổ phần VinGin.
2. Địa chỉ: 17 Hoàng Diệu - thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum.
3. Nội dung chi tiết:

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha/năm)	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]	[8=6-7]
Tổng		2.531,18	2.404,62		1.760.771.197	1.200.000.000	560.771.197
I	Chi trả theo lưu vực thủy điện (Chi trả 10 tháng (Từ tháng 03 đến tháng 12/2019))(*)	2.531,18	2.404,62		1.744.707.762	1.200.000.000	544.707.762
1	Nhà máy thủy điện IaLy	2.445,99	2.323,69	364.177	705.196.380	485.030.029	220.166.351
2	Nhà máy thủy điện Sê San 3	2.445,99	2.323,69	124.638	241.350.811	165.999.705	75.351.106
3	Nhà máy thủy điện Sê San 3A	2.445,99	2.323,69	67.089	129.911.075	89.352.093	40.558.982
4	Nhà máy thủy điện Sê San 4	2.445,99	2.323,69	131.123	253.908.278	174.636.658	79.271.620
5	Nhà máy thủy điện Sê San 4A	2.445,99	2.323,69	44.972	87.084.577	59.896.273	27.188.304
6	Nhà máy thủy điện Plei Krông	2.445,99	2.323,69	106.713	206.640.870	142.126.406	64.514.464
7	Nhà máy thủy điện Đăk Psi 3	1.041,10	989,05	9.771	8.053.177	5.538.929	2.514.248

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha/năm)	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]	[8=6-7]
8	Nhà máy thủy điện Đăk Psi 4	1.041,10	989,05	12.771	10.525.687	7.239.507	3.286.180
9	Nhà máy thủy điện Đăk Psi 5	1.041,10	989,05	17.776	14.650.727	10.076.686	4.574.041
10	Nhà máy thủy điện Đăk Psi	1.041,10	989,05	6.055	4.990.918	3.432.725	1.558.193
11	Nhà máy thủy điện Đăk Psi 2B	1.041,10	989,05	62.341	51.381.502	35.339.903	16.041.599
12	Nhà máy thủy điện Đăk Pô Cô	1.404,89	1.334,65	14.083	15.663.240	10.773.087	4.890.153
13	Nhà máy thủy điện Sông Tranh 2	85,19	80,93	227.610	15.350.520	10.558.000	4.792.520
II	Chi trả cho diện tích rừng cung ứng DVMTR trong lưu vực có mức chi trả thấp (thuộc lưu vực NMTĐ Sông Tranh 2)	85,19	80,93	198.484	16.063.435		16.063.435

Ghi chú: (*) Được UBND tỉnh cho thuê theo Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 về việc thu hồi và cho thuê rừng gắn với giao đất lâm nghiệp cho Công ty Cổ phần VinGin để thực hiện dự án đầu tư quản lý bảo vệ rừng kết hợp phát triển cây Sâm Ngọc Linh và các loại cây dược liệu dưới tán rừng tại huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum (Kèm theo biên bản bàn giao thực địa ngày 27/02/2019 của Liên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Tô, BQL RPH Tu Mơ Rông, UBND huyện Tu Mơ Rông, UBND xã Măng Ri, UBND xã Ngọc Lậy và UBND xã Đăk Na) thu hồi từ diện tích của Ban quản lý rừng phòng hộ Tu Mơ Rông và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Tô.